

Số: 288/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 301/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

-Anh Lê Quang V - sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn Đ, phường A, tỉnh Quảng Ninh;

-Chị Bùi Thị Ngọc D - sinh năm 1992; nơi thường trú: B, xã B, tỉnh Quảng Ninh; Nơi làm việc: Công ty L và cộng sự; Địa chỉ: nhà E, đường N, tổ C, khu G, phường H, tỉnh Quảng Ninh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc D và anh Lê Quang V chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là UBND phường A) vào ngày 26/7/2012. Việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Anh chị đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn nhưng không được. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải, phân tích giúp vợ chồng hàn gắn nhưng không thành công. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, vì vậy anh chị cùng thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

[2] Về con chung:

Chị Bùi Thị Ngọc D và anh Lê Quang V có 02 con chung là Lê Minh N, sinh ngày 29/9/2012 và Lê Nhật D1, sinh ngày 09/11/2016. Chị D và anh V thỏa thuận: Khi ly hôn chị D là người trực tiếp nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Nhật D1 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), anh Lê Quang V trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Minh N đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Ngọc D và anh Lê Quang V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các khoản nợ chung: Chị Bùi Thị Ngọc D và anh Lê Quang V không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5] Về lệ phí: Chị Bùi Thị Ngọc D và anh Lê Quang V thỏa thuận: chị Bùi Thị N1 tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị Ngọc D và anh Lê Quang V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị D và anh V thỏa thuận: Khi ly hôn chị D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Nhật D1, anh Lê Quang V là người trực tiếp người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Minh N đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Ngọc D và anh Lê Quang V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản nợ chung: Chị Bùi Thị Ngọc D và anh Lê Quang V không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị Ngọc D tự nguyện nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Bùi Thị Ngọc D đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự/.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND KV1 - Quảng Ninh;
 - VKSND T.Quảng Ninh
 - Thi hành án dân sự T. Quảng Ninh;
 - TAND tỉnh Quảng Ninh;
 - UBND phường An Sinh
- Tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu VP, HSVA.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Thủy